

MÔ HÌNH THOÁT KHỎI CUỘC KHỦNG HOẢNG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TOÀN CẦU CỦA VIỆT NAM

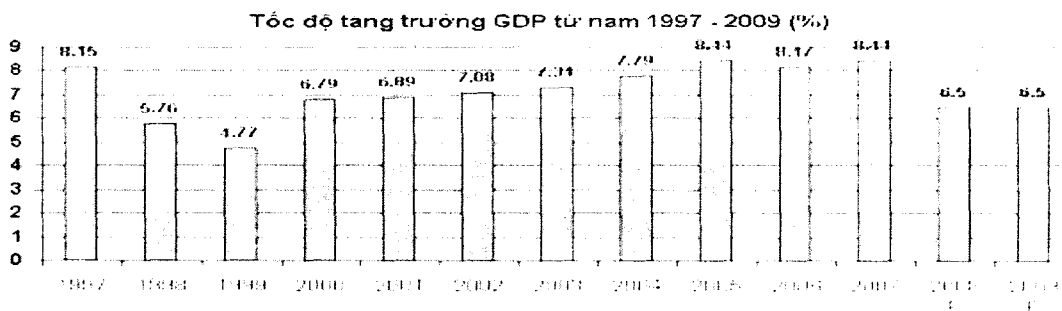
Vladimir Mazyrin
Viện nghiên cứu Viễn Đông
Viện HLKH Nga

Lời giới thiệu

Việt Nam là một ví dụ rất điển hình để kiểm nghiệm những tác động phức tạp của toàn cầu hoá và chủ nghĩa tư bản đến phát triển kinh tế-xã hội của các nước chuyển đổi. Đặc biệt, nó có thể làm sáng tỏ những vấn đề của các hình thức truyền thống và linh hoạt mới của các nền kinh tế trong khu vực.

Năm vừa qua, Việt Nam bị tác động của hai cú sốc liên tiếp, mà một số chuyên gia còn gọi là “hai cuộc khủng hoảng”. Do vậy, Việt Nam đã phải hai lần thay đổi các ưu tiên

phát triển kinh tế của mình. Hai cuộc khủng hoảng này đã và đang làm cho kinh tế Việt Nam có nguy cơ rơi vào suy thoái. GDP của Việt Nam đã tăng trưởng trung bình khoảng 7,5% trong 10 năm qua. Năm 2008, chính phủ Việt Nam đã phải điều chỉnh giảm tốc độ tăng trưởng dự kiến từ 8-9% xuống còn 6,5% chính bởi vì tình trạng bất ổn tài chính trên toàn cầu. Song trên thực tế kinh tế Việt Nam năm 2008 chỉ tăng trưởng 6,23%, và năm 2009 dự kiến chỉ khoảng 5%, theo một số tính toán của IMF. (xem bảng dưới đây)*



(Số liệu GDP từ 1997 đến 2007 là từ Niên giám Thống kê của Việt Nam, số liệu các năm 2008, 2009 là tính toán).¹

* IMF cảnh báo khó khăn kinh tế, VN/BBC World Service
[/www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2008/12/081218_imfvnecon.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2008/12/081218_imfvnecon.shtml);

Võ Trí Thành và Phạm Hoàng Hà. *Các cuộc cải cách kinh tế của Việt Nam trong những năm vừa qua*// *Bất bình đẳng xã hội ở Việt Nam và những thách thức đối với Cải cách*. Singapore, ISEAS, 2004, p.73; Malon, R. and Irvin G. *Sự thay đổi về hệ thống và cải cách kinh tế ở Việt Nam*// *Toàn cầu hoá và chủ nghĩa xã hội của Thế giới thứ ba: Trường hợp Cu Ba và Việt Nam*, New York, 2001, tr. 161-163; Ngân hàng Thế giới; *Đông Á cập nhật 2005*. Washington, 11/2004; Niên giám Thống kê Việt Nam. 2007, Hà Nội, 2008, tr.80.

Tình hình trên là do bị tác động chủ yếu bởi sự suy thoái toàn cầu lan rộng. Do hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng thế giới. Hơn nữa, các quy luật của kinh tế tư bản chủ nghĩa đã bắt đầu đóng vai trò ngày càng rõ nét hơn sau hai thập niên thực hiện cải cách thị trường và thay đổi thể chế ở Việt Nam¹. Sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường dẫn đến kết quả là sự phụ thuộc của nền kinh tế vào những chu kỳ phát triển lịch sử. Nếu như cuộc khủng hoảng châu Á tác động đến Việt Nam 10 năm trước đây ở mức độ ít hơn, thì ngày nay ảnh hưởng này là không thể tránh khỏi, song có thể đo lường được.

Lạm phát - dấu hiệu trì trệ kinh tế đầu tiên ở Việt Nam

Giai đoạn đầu tiên của sự trì trệ của nền kinh tế trong nước đã bắt đầu sau sự tăng nhanh giá cả dầu lửa, thực phẩm, sắt thép... trên thế giới. Một số học giả cho rằng do Việt Nam có dầu thô và gạo để xuất khẩu, nên có thể được lợi từ cuộc khủng hoảng và tránh được những tác động tiêu cực. Đúng là Việt Nam có xuất khẩu dầu thô và gạo, song Việt Nam lại nhập rất nhiều xăng dầu. Sự tăng nhanh giá lương thực, thực phẩm trên thị trường thế giới cũng góp phần làm tăng

giá lương thực, thực phẩm trên thị trường nội địa.

Lạm phát cao của Việt Nam còn do một số yếu tố trong nước, bên cạnh những tác động của khủng hoảng toàn cầu. Yếu tố chủ quan - thiếu thông tin và không có những hành động kịp thời - đã ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến lạm phát. Theo nguyên Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá, sự quản lý và các quyết định hướng dẫn của Chính phủ đã được thực hiện khẩn cấp, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Mặc dù đã có cảnh báo về sự cần thiết phải điều chỉnh các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và xem xét lại các cán cân vĩ mô, nhiều người vẫn tỏ ra lạc quan. Thậm chí những người đưa ra những cảnh báo khó khăn còn bị phê phán. Do vậy, dĩ nhiên là các chính sách đối phó với tình hình đã được đưa ra muộn và được thực hiện vội vã ngay từ ban đầu, và để lại những hậu quả xấu. Cụ thể là, chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ trong năm 2008 tuy đúng, nhưng muộn. Điều đó có nghĩa là chính phủ Việt Nam cần sớm có những biện pháp ngăn chặn trì trệ kinh tế trong năm 2009².

Một nguyên nhân sâu xa nữa của lạm phát, cũng theo những đánh giá trên, là sản

² Sự tiến triển chậm chạp trong việc nâng cao các kỹ năng quản lý ở Việt Nam, xu hướng tham nhũng và lợi ích nhóm bộc lộ được nhiều học giả đem ra phê phán bởi những sự thiệt hại lớn thường do tình trạng này gây ra đối với nền kinh tế. Xem trong: *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Những rào cản cần phải vượt qua*. Nguyễn Văn Thương chủ biên. Hà Nội, 2005, tr. 40-41.

¹ Xem phân tích chi tiết về tiến trình này trong: Mazyrin, V.M. *Các cuộc cải cách chuyển đổi ở Việt Nam. Những lĩnh vực chủ yếu, sự năng động và kết quả (1986-2006)*, Moscow, 2007, 336 trang (bằng tiếng Nga).

xuất và kinh doanh không hiệu quả. Yếu tố này bắt nguồn từ sự theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao của Việt Nam, dẫn đến tăng nhanh tổng phương tiện thanh toán, gia tăng những khoản nợ lên mức cao hơn tăng trưởng GDP.

Cho đến tận tháng 1/2008, vẫn không có thông tin rõ ràng về lượng tiền quá mức được bơm vào lưu thông trong năm 2007. Trong tháng Giêng, Tổng cục Thống kê vẫn tuyên bố rằng, tổng phương tiện thanh toán và cán cân nợ tăng khoảng 30% so với năm 2006, trong khi các con số trên thực tế là 44% và 54%, mức cao nhất kể từ năm 1993³. Việc sử dụng con số 30% để đưa ra các chính sách có liên quan đã dẫn đến những sai lầm.

Tỷ lệ thông thường giữa sự gia tăng tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng GDP là dưới 2,5 lần, song của Việt Nam luôn luôn cao hơn mức trung bình. Trong giai đoạn 2004-2007, tổng phương tiện thanh toán của Việt Nam đã tăng 30,3%/năm trong khi tốc độ tăng trưởng GDP là 8,23%/năm. Tỷ lệ giữa sự gia tăng tổng phương tiện thanh toán với tăng trưởng GDP đạt mức cao - 3,7 lần. Con số này của năm 2007 thậm chí còn cao hơn⁴. Trong khi đó, các mức lãi suất

cho vay lại thấp và lượng vốn bơm vào thị trường chứng khoán và bất động sản lại lớn. Vốn đầu tư đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chiếm tới 57,5%, lao động chiếm 20%, nhưng năng suất lao động và các yếu tố khác (hiệu quả đầu tư, hiệu suất lao động...) chỉ đóng góp 22,5%.

Năm 2009, tổng vốn đầu tư xã hội tiếp tục tăng và ước khoảng 715 ngàn tỷ đồng Việt Nam - tương đương 42 tỷ đôla Mỹ⁵. Do vậy, sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam về cơ bản vẫn phụ thuộc vào sự tăng trưởng vốn, nhưng đây là một con đường tối (blind road). Con đường sáng chính là phải tăng hiệu quả, hiệu suất lao động và áp dụng công nghệ tiên tiến.

Hiệu quả đầu tư thể hiện qua hệ số ICOR đã giảm sút. Trong những năm vừa qua, ICOR của Việt Nam đã tăng từ 4,85 năm 2005 lên 5,04 năm 2006, 5,38 năm 2007 và có thể là 5,9 trong năm 2008⁶. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ này khá cao, chất lượng tăng trưởng lại giảm sút đáng kể, tạo nhiều áp lực cho những năm sắp tới, đặc biệt là áp lực ô nhiễm môi trường.

³ *Thảo luận kéo dài, các cơ hội có thể mất đi*//Thời báo kinh tế Việt Nam/
www.gda.com.vn/?page=news&code=news&id=1529_02/01/2009.

⁴ *Kinh tế Việt Nam: một năm, hai cuộc khủng hoảng*//Thời báo kinh tế Việt Nam/
www.gda.com.vn/?page=news&code=news&id=1527_29/12/2008.

⁵ *Thảo luận kéo dài, các cơ hội có thể mất đi*//Thời báo kinh tế Việt Nam/
www.gda.com.vn/?page=news&code=news&id=1529_02/01/2009.

⁶ Tỷ trọng đầu tư - tăng trưởng bằng 1 được phân chia bởi sản phẩm biên của vốn. ICOR càng cao thì hiệu suất vốn càng thấp. ICOR có thể được xem xét như là một phép đo sự không hiệu quả của đồng vốn được sử dụng, ở hầu hết các nước, ICOR khoảng bằng 3. Xem *Kinh tế Việt Nam: một năm, hai cuộc khủng hoảng*//Thời báo kinh tế Việt Nam/
www.gda.com.vn/?page=news&code=news&id=1527_29/12/2008.

Những yếu tố này cộng với lạm phát trên thế giới đã làm tốc độ lạm phát ở Việt Nam tăng mạnh (tăng 2,5%/tháng trong nửa đầu năm 2008). Bên cạnh việc lạm phát leo thang, thâm hụt thương mại của Việt Nam cũng rất lớn. Thâm hụt thương mại năm 2007 là khoảng 14,12 tỷ USD hay hơn 1 tỷ USD một tháng. Trong 5 tháng đầu năm 2008, thâm hụt thương mại trung bình khoảng 2.695 tỷ USD/tháng. Điều này đã gây sức ép lên tỷ giá hối đoái, dẫn đến những lo ngại về khả năng thanh toán.

Các tổ chức quốc tế và chuyên gia đã cảnh báo Việt Nam rằng tỷ lệ lạm phát của nước này có thể vượt con số 30% và thâm hụt thương mại có thể vượt mức 30 tỷ USD. Nhưng thực tế không đến nỗi tồi tệ như vậy. Kể từ tháng 6 và tháng 7, lạm phát và thâm hụt thương mại - hai vấn đề nổi cộm của Việt Nam - đã giảm xuống. Tỷ lệ lạm phát từ tháng 6 đến tháng 11 chỉ tăng 0,38%/tháng, thấp hơn rất nhiều so với mức của nửa đầu năm 2008 và thấp hơn cả lãi suất tiết kiệm. Thâm hụt thương mại từ tháng 6 đến tháng 11 ở mức dưới 1 tỷ USD (khoảng 529 triệu USD/tháng) và tổng mức thâm hụt thương mại của cả năm 2008 là khoảng 17 tỷ USD.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình trên. Nguyên nhân chủ yếu là sự thay đổi ưu tiên của Chính phủ từ tăng trưởng kinh tế sang kiểm chế lạm phát. Một nguyên nhân nữa là Chính phủ đã thực hiện một số biện pháp khẩn cấp, đặc biệt là thắt chặt tiền tệ. Thị trường đã dần phục hồi sau khi áp dụng

gói giải pháp 8 điểm để kiềm chế sự tăng tốc của lạm phát. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đưa ra những mức lãi suất thấp, làm cho các doanh nghiệp dễ tiếp cận hơn tới các khoản vay. Lãi suất cơ bản đã giảm từ 10% xuống còn 6%, dẫn đến giảm đồng loạt các mức lãi suất cho vay. Chính phủ cũng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khoảng 30% kể từ Quý 4 năm 2008⁷. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng giúp cải thiện tính thanh khoản của các ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nhà nước đã tăng tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng lên 3% vào ngày 25/12/2008, tuy nhiên các ngân hàng vẫn phàn nàn rằng cầu về đôla Mỹ vẫn lớn hơn cung. Cung ngoại tệ eo hẹp do các ngân hàng không thể mua đôla từ các công ty xuất khẩu và vẫn phải dựa vào việc mua đôla từ Ngân hàng Nhà nước.

Trước tình hình đó, đồng đôla trên thị trường chợ đen đã lên giá cao. Tỷ giá đã lên tới 17.400-17.500 đồng VN/1 USD vào cuối năm 2008. Ngay cả các chuyên gia cũng không dám khẳng định tỷ giá VND/USD sẽ lên đến đâu trong năm 2009, mặc dù họ cũng chỉ ra rằng có một sức ép buộc từ xanh giảm giá so với những ngoại tệ khác. Đồng Việt Nam đã mất khoảng 10% giá trị của nó kể từ đầu năm 2008⁸. Một số tổ chức quốc tế và chuyên gia tài chính đã kêu gọi Việt Nam

⁷ Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm cách thoát khỏi trì trệ kinh tế//Tin tức Đài tiếng nói Việt Nam/
www.cpv.org.vn/english_forums_details.asp?topic=29&subtopic=118&ID_B1410979197-04/01/2009.

⁸ Các ngân hàng vẫn thiếu ngoại tệ//Sài Gòn tiếp thị/english.vietnamnet.vn/biz/2009/01/822637
07/01/2009

giảm giá đồng Việt Nam khoảng 20-25% và nhờ cậy vào sự giúp đỡ của IMF. Song các nhà lãnh đạo Việt Nam đã từ chối những giải pháp này vì e ngại tác động tiêu cực của chúng đến uy tín quốc gia và theo đó là đến dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào. Thay vào đó, Ngân hàng Nhà nước đã công khai số liệu về dự trữ ngoại tệ, được đánh giá là khá dồi dào để bảo đảm khả năng thanh toán.

Cuộc khủng hoảng tín dụng và các biện pháp ngăn chặn trì trệ kinh tế

Khi những vấn đề nêu ở trên đã được giải quyết phần nào ở Việt Nam thì lại xảy ra cuộc khủng hoảng nhà đất và tín dụng ở Mỹ từ giữa tháng 9 và nó nhanh chóng lan rộng sang các lĩnh vực lao động, tiền tệ, tài chính ở Mỹ và sau đó tới các nước khác. Cuộc khủng hoảng này cuối cùng cũng tấn công Việt Nam, một nền kinh tế mà 60% sự tăng trưởng của nó là phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài và xuất khẩu, một nền kinh tế mới chỉ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới chưa được 2 năm.

Doanh thu xuất khẩu của Việt Nam đã giảm sút theo tháng, kể từ tháng 8, do kim ngạch xuất khẩu đã giảm xuống do các đơn đặt hàng từ các đối tác nước ngoài giảm xuống. Tăng trưởng công nghiệp cũng giảm kể từ tháng 7. Con số du khách nước ngoài đến Việt Nam giảm kể từ tháng 9. Các nguồn cung ngoại tệ chủ yếu như: ODA (hỗ trợ phát triển-chính thức), FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) và nguồn kiều hối cũng chịu chung áp lực. Ví dụ, lượng FDI giải ngân và

kiều hối đã giảm sút do suy thoái kinh tế toàn cầu. Dòng đầu tư gián tiếp cũng đi ra nhiều hơn là đi vào. Chỉ số VN-index tụt dốc và quay trở về điểm xuất phát của 3-4 năm trước đây.

Nguy cơ trì trệ kinh tế đã xuất hiện. Một lần nữa, Chính phủ đã phải thay đổi các mục tiêu của mình từ kiểm chế lạm phát sang ngăn chặn trì trệ kinh tế, với gói khẩn cấp gồm 5 giải pháp được thiết kế bởi các cơ quan hoạch định chính sách vĩ mô.

Do các nền kinh tế suy giảm trên phạm vi toàn cầu, mỗi chính phủ đều đã và đang tìm những cách khác nhau để kích thích nền kinh tế của họ. Không có công thức chuẩn và mỗi nước phải tìm cho mình công thức riêng để giải quyết vấn đề này. Ở Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước tỏ ra thích ứng nhanh với việc ra tín hiệu rằng Ngân hàng mong muốn thúc đẩy tăng trưởng khi lạm phát đã ở mức kiểm soát được kể từ quý 4 năm 2008.

Những chuyển động tương tự cũng diễn ra ở hầu hết các nước châu Á. Chính phủ Việt Nam nhấn mạnh đến kích "cầu trong nước" theo hướng tăng cường các dự án đầu tư của cả khu vực công và khu vực tư nhân. Chính phủ Việt Nam hiện đang nhìn nhận đúng đắn về việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nơi tạo ra nhiều việc làm và có tác động cấp số nhân đến nền kinh tế. Điều này hy vọng sẽ là một chất xúc tác cho cầu trong nước.

Giá trị tổng gói kích cầu này có thể đạt 6 tỷ USD. Con số này thấp hơn nhiều so với

những gói giải pháp của các quốc gia phát triển, tuy nhiên vẫn là khá lớn so với nguồn lực quốc gia của Việt Nam. Gói tài chính này tương đương khoảng 6,8% GDP năm 2008 (khoảng 85,5 tỷ USD), và bằng khoảng 26% lượng dự trữ ngoại tệ (hơn 22 tỷ USD)⁹. Đây là một nỗ lực lớn trong điều kiện bội chi ngân sách và dự trữ ngoại tệ của Việt Nam còn khiêm tốn, thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc chặn đà suy giảm kinh tế.

Tuy nhiên, người ta vẫn còn lo ngại về kế hoạch kích cầu này: đâu là nguồn tài chính cho chương trình này, tiêu chí chọn dự án nào được lợi từ gói kích cầu này, và các biện pháp và tốc độ thực hiện của chương trình vẫn còn là vấn đề. *Thứ nhất*, nguồn vốn cho mục tiêu kích thích kinh tế là từ ngân sách Nhà nước và hỗ trợ nước ngoài. Các chuyên gia kiến nghị tăng càng sớm càng tốt vốn từ tất cả các nguồn lực để kích thích đầu tư và tiêu dùng. Mặc dù 6 tỷ USD là một giải pháp tạm thời, rất có ý nghĩa nếu được sử dụng thích hợp, nếu không con số này sẽ rất nhỏ bé so với nhu cầu của đất nước. Do vậy Chính phủ đã cố gắng cung cấp thông tin minh bạch trong cơ chế phân bổ vốn.

Thứ hai, trong việc chọn các dự án được hưởng lợi từ kế hoạch kích thích kinh tế này, Việt Nam theo đuổi mục tiêu kinh tế chủ yếu. Kích cầu được tập trung và các ngành công nghiệp như than, thép, xi măng, phân bón,

một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu và các mặt hàng xuất khẩu lớn; và các ngành sử dụng nhiều lao động và tạo thêm nhiều việc làm và làm tăng sức mua. Do vậy, vốn sẽ được bơm vào các dự án có đầu ra bởi vì kích cầu không chỉ nhằm mục tiêu tạo hàng hoá cho thị trường mà còn là tạo hàng hoá có thể bán được. Một nhóm dự án nữa được đầu tư là các công trình mà chúng không tạo ra sản phẩm thực sự cho tiêu dùng nhưng lại tạo cơ cấu kinh tế mới. Việt Nam đã làm điều này trong giai đoạn 1997-1999, theo đó các hệ thống giao thông nông thôn lớn, hệ thống kênh rạch, và nhiều hạng mục cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng đã được xây dựng¹⁰.

Thứ ba, biện pháp kích cầu chủ yếu được áp dụng là giảm giá cả, bao gồm cắt giảm hơn nữa giá xăng dầu, lệ phí giao thông. Trong việc quyết định thế nào là tốt hơn để giải ngân nguồn vốn kích cầu, các chuyên gia Việt Nam kiến nghị sử dụng nó dưới hình thức các khoản cho vay, thậm chí cho vay không lãi suất, nhưng không cấp vốn miễn phí. Chính phủ đã đưa ra khoảng 20-30 nghìn tỷ đồng Việt Nam dưới hình thức các khoản vay ưu đãi cho các doanh nghiệp nhằm kích thích đầu tư¹¹. Chính sách này đã tạo cơ hội tốt cho các doanh nghiệp vay vốn

⁹ *Kinh tế Việt Nam: một năm, hai cuộc khủng hoảng*//Thời báo kinh tế Việt Nam/www.gda.com.vn/?page=news&code=news&id=152729/12/2008.

¹⁰ Xem chi tiết trong: *Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á. Việt Nam: thực hiện cam kết*. Báo cáo phát triển 2003. Hà Nội, 2002, trang 7.

¹¹ *Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm cách thoát khỏi trì trệ kinh tế*//Tin tức Đài tiếng nói Việt Nam/www.cpv.org.vn/english/forums/details.asp?topic_29&subtopic=118&ID=BT410979197-04/01/2009.

có khả năng thanh toán được. Bên cạnh việc tăng cường các hoạt động tín dụng, một số dịch vụ/biện pháp hỗ trợ thị trường cũng được áp dụng để giúp các doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn.

Hơn nữa, các nhà kinh tế Việt Nam cũng nhận thức được rằng các dự án mới phải được thực hiện nhanh, nếu không chúng sẽ không có tác dụng nhiều. Với mục đích này, Chính phủ đã đơn giản hoá các thủ tục hành chính. Một số bài học kinh nghiệm trước đây tỏ ra có ích trong vấn đề này. Trong giai đoạn 1998-1999, Việt Nam đã khởi xướng nhiều biện pháp kích cầu song kết quả đem lại không nhiều. Sự thực hiện không hoàn hảo và những cuộc thảo luận kéo dài đã làm tiến trình chậm lại. Việt Nam phải mất tới 3 năm, 1998-2000, để bắt đầu lại. Tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 4,8% trong năm 1998, 4,7% trong năm 1999 và đến tận năm 2000, GDP chỉ tăng 6%¹². Trong khi đó, Thái Lan, nước đầu tiên bị tấn công bởi cuộc khủng hoảng châu Á 1997, đã thay đổi rất nhanh. Một số nước công nghiệp hoá mới châu Á chỉ cần 1 năm để phục hồi.

Sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam

Những con số và sự kiện nêu trên chứng tỏ rằng “con sóng thần tài chính” đang lan rộng trên toàn thế giới không phải là thảm hoạ cho tất cả các quốc gia. Ngược lại, một số quốc gia đã được lợi phần nào từ sự kiện này, trong đó có Việt Nam. Theo một số

chuyên gia Hồng Kông, kinh tế Việt Nam sẽ nhanh chóng lấy lại tốc độ vào cuối năm 2009, hoặc đầu năm 2010. Tuy nhiên, họ cũng cảnh báo rằng các nhà đầu tư không nên quá lạc quan vì những tác động tiêu cực của suy thoái và giảm sút kinh tế trên toàn thế giới vẫn chưa chấm dứt¹³.

Một trong những động lực cho xu thế trên là sự phát triển của xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt sang thị trường Mỹ. Xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng trưởng nhanh hơn so với bất kỳ quốc gia Đông Á nào, thậm chí có khả năng Việt Nam sẽ vượt Trung Quốc trong tương lai gần. Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế của Mỹ, xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đã tăng khoảng 21% trong 10 tháng đầu năm 2008, đạt 10,5 tỷ USD, trong khi đó xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ chỉ tăng 6%. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đã vượt mức của Thái Lan và Indonesia. Chính phủ Việt Nam luôn hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước mở rộng xuất khẩu sản phẩm của Việt Nam.

Động lực thứ hai được áp dụng là cân bằng thương mại thông qua giảm nhập khẩu. Bộ Công Thương Việt Nam đã đưa ra dự báo điều này trong năm 2009 do giá cả nguyên liệu thô, đầu vào của 4 loại hàng hoá chủ yếu (sắt và thép, thép thỏi, phân bón, xăng và các

¹² Niên giám thống kê Việt Nam, 2007, Hà Nội 2008, tr. 80.

¹³ Hong Kong Newspaper đã đăng tải *Đánh giá về triển vọng của nền kinh tế Việt Nam*/Takungpao, Trung Quốc, 22/12/2008.

www.cpv.org.vn/english/vietnamforeignercy/detail.asp?topic_107&subtopic_213&ID_B1210937422-2/1/2009.

sản phẩm dầu lửa) sẽ giảm nhanh, giá trị nhập khẩu sẽ giảm mạnh. Bốn hàng hoá chủ yếu có thể giảm từ 30-50% về giá nguyên liệu thô, một con số trị giá khoảng 6 tỷ đôla Mỹ¹⁴.

Nếu năm ngoài, việc nhập khẩu một lượng lớn nguyên liệu chủ yếu là để đầu cơ dẫn đến giá cả tăng mạnh, thì năm nay điều đó sẽ không diễn ra nữa. Hơn nữa, việc bắt đầu các hoạt động của nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam ở Dung Quất, theo kế hoạch là vào tháng 2 năm 2009, sẽ giúp làm giảm lượng sản phẩm dầu nhập khẩu trong năm 2009, ước tính khoảng 11 tấn, tương đương 6 tỷ đôla Mỹ, giảm 5 tỷ USD so với năm 2008. Bên cạnh đó, do khó khăn trên thị trường vốn và lãi suất, các doanh nghiệp và người dân sẽ tiếp tục cơ cấu lại sản xuất và tiêu dùng của mình, vì vậy, cầu về nhập khẩu nguyên liệu thô cho sản xuất và xuất khẩu sẽ giảm đi.

Nhiều chuyên gia cho rằng Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng ít hơn của suy thoái kinh tế toàn cầu nhờ những điều kiện hiện nay của nền kinh tế quốc gia. Họ đã xác định ra 6 yếu tố có thể giúp Việt Nam vượt qua tình trạng khó khăn hiện nay¹⁵:

Yếu tố thứ nhất là, giai đoạn khó khăn nhất của cuộc khủng hoảng đã qua, và các nền kinh tế chủ yếu của thế giới đều đang cố gắng áp dụng những biện pháp chưa từng có trong lịch sử nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực. Theo một dự báo lạc quan, suy thoái kinh tế sẽ chấm dứt vào cuối năm 2009 hoặc đầu năm 2010.

5 yếu tố khác xuất phát từ các điều kiện bên trong của nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, sự gắn kết xã hội cao là yếu tố rất quan trọng và mang tính đặc thù của Việt Nam. Người dân đặt kỳ vọng cao vào phát triển kinh tế, ủng hộ sự hợp tác tốt giữa Nhà nước và doanh nghiệp; tin tưởng vào sự cải thiện năng lực quản trị. Và do xuất khẩu của Việt Nam đã bị thu hẹp do các chính sách thắt chặt nhập khẩu, hiện Việt Nam đang tập trung vào kích cầu trong nước.

Thực tế Việt Nam chưa hội nhập sâu vào các dây chuyền năng suất và tài chính toàn cầu chỉ ra rằng, đây là một điều kiện thuận lợi hơn cho phục hồi nhanh nền kinh tế nội địa. Đây vẫn là một quốc gia nông nghiệp, với khoảng 70% dân số sống nhờ vào nông nghiệp, và 97% các doanh nghiệp là vừa và nhỏ, những doanh nghiệp có thể nhanh chóng thích ứng với tình hình mới.

Do vậy, việc giảm thiểu tác động tiêu cực của các cuộc khủng hoảng toàn cầu đến các hoạt động của *Khu vực tài chính và ngân hàng* của Việt Nam là nhiệm vụ rất

¹⁴ Nhập khẩu của năm 2009 khó có thể tăng đột biến//Hà Nội mới
www.epv.org.vn/english/economics/details.asp?topic=16&subtopic=52&leader_topic=125&id=B1610963276-6/1/2009.

¹⁵ Ví dụ, TS. Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM). TS. Adam Mc Carty, nhà kinh tế trưởng kinh tế Mê kông. xem trong: *Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phát triển mặc dù có "động đất" và "sóng thần"*//Vietnam News

Agency/english.vietnamnet.vn/biz/2009/01/822131 - 5/1/2009.

quan trọng và phải được thực hiện ngay lập tức. Cuộc khủng hoảng tài chính ở phương Tây bị châm ngòi bởi bong bóng nhà đất ở Mỹ, vốn cổ phiếu (share capital) của nhiều ngân hàng bị ảnh hưởng tiêu cực do cổ đông bị tổn thất lớn từ những “tài sản độc hại” (toxic assets), ví dụ như những khoản thế chấp bán đầu và giấy tờ kém giá trị (subordinated paper). Điều này dẫn đến cạnh tranh giành vốn bổ sung và cải thiện thanh khoản khi nguồn lực có hạn. Thêm vào đó, các ngân hàng cắt giảm mạnh và định giá lại những khoản cho vay của họ. Tuy nhiên, các ngân hàng của Việt Nam không bị ảnh hưởng nhiều của những tài sản độc hại như vậy.

Tuy nhiên, có thể rút ra ba hàm ý từ cuộc suy thoái toàn cầu và cần phải vượt qua¹⁶. Thứ nhất là do khu vực ngân hàng chính là tấm gương phản chiếu “nền kinh tế thực sự” hoạt động như thế nào, sự suy giảm trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cũng sẽ có nghĩa là sự suy giảm đối với ngành dịch vụ tài chính. Xu hướng này dự báo sẽ tiếp tục trong suốt năm 2009 và hy vọng sẽ kết thúc bằng sự phục hồi vào đầu năm 2010.

Tác động thứ hai đến Việt Nam sẽ bị chi phối bởi, như đã nói ở trên, sự khan hiếm khả năng thanh toán trên toàn cầu, điều này sẽ tác động đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các khoản vay từ công ty nước

ngoài. Trong khi đó, Việt Nam vẫn được coi là một trong 3 quốc gia Đông Á có môi trường đầu tư hấp dẫn, do vậy vẫn tiếp tục thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư nước ngoài.

Tác động thứ ba có thể là sự khan hiếm vốn sẽ làm cho một số ngân hàng gặp khó khăn trong việc đạt đến một mức độ vốn hoá cần thiết. Trong các thời kỳ dễ tổn thương về tài chính, các ngân hàng cần được vốn hoá nhiều hơn chứ không phải là ít hơn. Ngân hàng Nhà nước đã tính trước điều này và đã đưa ra những biện pháp chính sách thích hợp để giải quyết vấn đề chứ không phải là để bị bất ngờ. Các ngân hàng cần được vốn hoá và quản lý tốt để đóng một vai trò hiệu quả trong phát triển kinh tế. Và ở nhiều nước đang phát triển, chúng ta cũng đã thấy rằng theo thời gian, các ngân hàng đã sáp nhập với nhau để thực hiện tốt hơn sự phối hợp về quy mô, về phân phối và về kỹ năng. Sự “củng cố” này trong lĩnh vực ngân hàng đã dẫn đến kết quả là số lượng ngân hàng ít đi, song lại có nhiều ngân hàng mạnh hơn, điều này là tốt cho các cổ đông, khách hàng và quan trọng hơn cả là hiệu quả kinh tế cao hơn. Nếu xem xét quy mô địa lý, dân số và giai đoạn phát triển kinh tế của Việt Nam, có thể dự báo một xu hướng củng cố ngân hàng sẽ xảy ra trong 5 năm tới. Điều này đặc biệt có ý nghĩa hơn trong những giai đoạn căng thẳng tài chính.

Đầu tiên các ngân hàng quốc tế sẽ chuyển đổi hoạt động chi nhánh hiện có của

¹⁶ Đây là quan điểm của ông Ashok Sud, Tổng Giám đốc Standard Chartered Bank, xem trong: *Việt Nam đã ở vị trí thuận lợi để vượt qua cơn bão*//Báo Đầu tư Việt Nam/

họ ở đây sang một chi nhánh khu vực (local subsidiary). Việc thành lập chi nhánh ngân hàng 100% vốn sẽ cho phép các ngân hàng quốc tế đóng vai trò hiệu quả hơn trong sự phát triển của Việt Nam bởi vì phần lớn trong số 200 triệu USD vốn là được đầu tư bởi ngân hàng. Kinh nghiệm của các thị trường đang phát triển khác, nơi có sự “mở cửa khu vực tài chính” tương tự đã cho thấy quy mô của thị trường phát triển trong khi thị phần xét theo tỷ lệ phần trăm của các ngân hàng quốc tế vẫn tiếp tục duy trì ở mức 10-15%. Xu hướng này hiện cũng đã xuất hiện ở Việt Nam.

Các mục tiêu kinh tế - xã hội và những ưu tiên

Sự ủng hộ của các doanh nghiệp đã trở thành mục tiêu hàng đầu của chính sách kinh tế - xã hội quốc gia ngày nay. Nhà nước đã chú trọng đến khu vực tư nhân hơn bao giờ hết và điều này là có lý do của nó. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã vật lộn một cách tuyệt vọng trong năm 2008 để tồn tại trong cơn “sóng thần tài chính”. Họ sẽ thậm chí phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong năm 2009 nếu như không tìm ra được những chiến lược thích ứng với tình hình mới. Lạm phát cao trong năm 2008 đã đặt ra một thách thức lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Theo ông Cao Sỹ Kiêm, nguyên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, hiện nay là Chủ tịch Hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ít nhất có tới 60% các doanh nghiệp rơi vào tình trạng trì trệ và suy giảm, 20% doanh nghiệp đang

trên bờ vực phá sản và chỉ có khoảng 20% là sống sót¹⁷.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp đã phải đối mặt với những khó khăn lớn hơn khi cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu lan rộng. Các thị trường của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã bị thu hẹp cùng với sự sụt giảm giá cả sản phẩm của họ. Bên cạnh những khó khăn về thị trường, nhiều doanh nghiệp cũng vấp phải những trở ngại lớn về vốn liếng, đào tạo, việc làm, cơ sở hạ tầng, các thủ tục hành chính và đất đai. Theo Chủ tịch Hội Công thương Hà Nội, ông Vũ Duy Thái, các doanh nghiệp trên toàn quốc đều đang khát vốn, song các ngân hàng chỉ cho vay được 263 nghìn tỷ từ tháng 1 đến tháng 10, tức chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu.

Mặc dù lãi suất thấp, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt các doanh nghiệp chuyên về sản phẩm nông lâm ngư nghiệp, vẫn không thể vay được vốn. Các ngân hàng nói rằng họ sẽ chỉ cho vay vốn khi nào các doanh nghiệp trả hết các khoản nợ quá hạn trước đó với mức lãi suất cao. Chính phủ đã đồng ý gia hạn thời gian trả nợ và trợ giúp các doanh nghiệp để họ có thể tiếp cận vốn dễ dàng hơn nhằm duy trì sản xuất.

Hậu quả là, tỷ lệ các doanh nghiệp không có kế hoạch phát triển kinh doanh đã tăng từ 10% của năm 2007 lên tới 22% năm 2008, theo kết quả của một điều tra về môi

¹⁷ Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm cách thoát khỏi trì trệ kinh tế//Tin tức Đài tiếng nói Việt Nam/
www.epv.org.vn/english/forums/details.asp?topic_29&subtopic=118&ID=BT410979197-04/01/2009.

trường kinh doanh năm 2008. Để đối phó với cuộc khủng hoảng hiện nay và để vượt qua được khó khăn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được khuyến khích tập trung vào nâng cao kỹ năng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng cơ sở dữ liệu thông tin và dự báo, tạo sự tiếp xúc giữa doanh nghiệp nhiều hơn, và gặp gỡ các cơ quan điều tiết của nhà nước.

TS. Võ Đại Lộc, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, cho rằng, các doanh nghiệp phải điều chỉnh các chiến lược phát triển thị trường của họ để phù hợp với tình hình thế giới và trong nước. Họ nên khai thác triệt để thị trường trong nước, đồng thời tìm kiếm các thị trường ngoài nước khác, những thị trường ít bị tác động của cuộc khủng hoảng, ví dụ như Mỹ Latinh và Trung Đông. Bên cạnh đó, các nhà kinh doanh cần có trách nhiệm xã hội trong việc tập trung chú ý hơn vào tầng lớp trung lưu và người nghèo, những người chiếm một bộ phận lớn dân số. Đây là một sự khác biệt quan trọng giữa các quốc gia phát triển và nền kinh tế thị trường đang nổi ở Việt Nam, và cũng chứng tỏ là một lợi thế của Việt Nam.

Một số chuyên gia khác cho rằng, đây là thời điểm thích hợp để tái cơ cấu nền kinh tế quốc dân nhằm làm cho nó lành mạnh hơn. Các doanh nghiệp có ít cơ hội để tái cơ cấu vốn, tổ chức, công nghệ và sản phẩm. Khi được hỏi về sự điều chỉnh chiến lược phát triển để thích ứng với tình hình mới, phần lớn các doanh nghiệp lớn ở Việt Nam nói

rằng họ sẽ phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới. 21% doanh nghiệp nói rằng họ sẽ cắt giảm chi phí hoạt động và chuyển đổi cơ cấu. Về doanh số và lợi nhuận, 29% doanh nghiệp nói rằng doanh thu của họ sẽ không giảm, thậm chí sẽ tăng, trong khi số còn lại nói rằng doanh thu của họ sẽ giảm. Trong khi đó, không có doanh nghiệp nào nói rằng họ sẽ có những thay đổi lớn trong lực lượng lao động. Không cắt giảm việc làm là lựa chọn của phần lớn các doanh nghiệp, trong khi 29% doanh nghiệp thậm chí nói sẽ tuyển thêm lao động trong năm 2009¹⁸.

Báo cáo kinh doanh quốc tế của Grant Thornton, với việc đưa ra những triển vọng của năm 2009, đã xếp Việt Nam đứng thứ 7 trong số 36 quốc gia và khu vực về triển vọng lạc quan của các doanh nghiệp tư nhân. Năm 2008, nghiên cứu này đã xếp Việt Nam đứng thứ 3 sau Ấn Độ và Philippines¹⁹. Báo cáo này đưa ra một cách nhìn vĩ mô về giai đoạn kinh tế thế giới, giải thích sự trì trệ bằng chủ nghĩa lạc quan. Đồng thời báo cáo này cũng tỏ ra lạc quan về triển vọng kinh tế của Việt Nam mặc dù có sự sụt giảm chỉ số từ +87 xuống +31. Nhưng theo Báo cáo của Grant Thornton, do các nền kinh tế chủ yếu trên thế giới đều rơi vào tình trạng suy thoái, Việt Nam vẫn tiếp tục là một trong những

¹⁸ Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phát triển mặc dù có "động đất" và "sóng thần"//Vietnam News Agency/ english.vietnamnet.vn/biz/2009/01/822131 - 05/01/2009.

¹⁹ Việt Nam vẫn lạc quan. Grant Thornton nói//Vietnam News Agency/ english.vietnamnet.vn/biz/2009/01/822650 07/01/2009.

quốc gia có triển vọng sáng sủa nhất trên thế giới. Trong khi các doanh nghiệp tư nhân ở các nước phát triển trên thế giới đang chuẩn bị để hứng chịu một sự suy giảm đau đớn và kéo dài, các doanh nghiệp trong các nền kinh tế đang nổi lại nhận thấy rằng ở cấp độ vi mô của chính họ, nó có thể tạo ra những cơ hội thực sự.

Chính phủ Việt Nam cũng đưa thêm một số hỗ trợ để bảo đảm lợi ích của người lao động và của các tầng lớp thấp trong xã hội, và chính sách này chú trọng vào định hướng xã hội của mô hình kinh tế của Việt Nam. Bộ trưởng Lao động, Thương binh và Xã hội, bà Nguyễn Thị Kim Ngân đã nói rằng những biện pháp quyết liệt và mạnh mẽ nhằm bảo đảm phúc lợi xã hội và hạn chế những tác động đảo ngược của suy thoái kinh tế toàn cầu đến người nghèo được coi là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ ở thời điểm này. Giới lãnh đạo Việt Nam đang cố gắng điều tiết/cân bằng hiệu quả kinh tế với đoàn kết xã hội thông qua thúc đẩy những quy tắc mới của sự cạnh tranh tư bản chủ nghĩa.

Các chính sách Chính phủ hướng vào bảo đảm, bổ sung, phân phối lại, hay bảo đảm tăng trưởng trong thu nhập bằng một cách khác nhau bao gồm thu nhập, các dịch vụ, chính sách việc làm, ổn định kinh tế, và các chính sách cạnh tranh. Bộ này đang thực hiện những bước đi cụ thể để tạo việc làm

cho 1,7 triệu người trong năm 2009²⁰. Đến 1/1/2009, Luật Bảo hiểm thất nghiệp đã có hiệu lực, nhưng phải đến đầu năm 2010, người lao động mới được hưởng lợi từ luật này. Theo Luật Bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động có trách nhiệm trợ cấp (allowances) cho người lao động khi họ thôi việc hay bị mất việc. Tuy nhiên, Chính phủ áp dụng một số chính sách hỗ trợ người lao động bị thất nghiệp trong khu vực công nghiệp và dịch vụ. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đặc biệt chú ý đến người lao động nông thôn trở về làng quê của họ từ các khu công nghiệp và nhà máy ở các thành phố lớn.

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đang xem xét lại danh sách các hộ gia đình nghèo để giúp Chính phủ đưa ra những tiêu chí mới về nghèo đói, có thể áp dụng trong năm 2009. Các tiêu chí hiện nay để xác định gia đình nghèo đã được ban hành từ năm 2005 và dự kiến vẫn được áp dụng cho đến năm 2010. Tuy nhiên, tình hình kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới đã thay đổi, do vậy các tiêu chí này cần được điều chỉnh. Các tiêu chí mới nên giúp người nghèo, người không có lợi thế tiếp cận với các chính sách trợ giúp của nhà nước. Nếu các tiêu chí mới được áp dụng, số lượng người nghèo ở Việt Nam có thể tăng lên. Tuy nhiên, với các chính sách xã hội cụ thể, có thể hy vọng rằng tỷ lệ các

²⁰ *Người nghèo ở Việt Nam đang tăng lên*//english.vietnamnet.vn/politics/2009/01/822634 - 07/01/2009.

hộ gia đình nghèo ở Việt Nam sẽ giảm xuống còn 10% vào năm 2010.

Theo báo cáo của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, hiện có khoảng gần 1,3 triệu người là đối tượng của chính sách hỗ trợ của Nhà nước, với tổng số tiền hỗ trợ khoảng 2.035 tỷ đồng Việt Nam. Đến cuối năm 2008, tỷ lệ hộ gia đình nghèo ở Việt Nam là khoảng 13%, giảm 1,66% so với năm 2007. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa đạt được mục tiêu 12% như đã đề ra, do thiên tai liên tiếp và lạm phát cao²¹.

Một số hàm ý về mặt lý luận

Chính sách của chính phủ Việt Nam nhằm vượt qua cơn bão khủng hoảng chủ nghĩa tư bản toàn cầu trái ngược với các mô hình kinh tế của Mỹ và châu Âu, và dường như đây là một mô hình triển vọng hơn. Chính sách này thể hiện nỗ lực tìm ra “cách thứ ba” để phát triển. Đảng Cộng sản Việt Nam gọi đó là “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, có nghĩa là dựa vào sở hữu nhà nước và vai trò điều tiết, tổ chức chính trị đơn đảng với mục tiêu đạt được hiệu quả quản trị và gắn kết xã hội²².

Trên thực tế, trật tự mới ở Việt Nam đang xây dựng một nền tảng/cơ sở mang tính công ty (corporatist basis) tương tự như ở các nước Đông Á, và khác với các nước này ở một số lợi thế nhất định²³. Chủ nghĩa công ty (corporatism) xâm nhập tích cực vào nền kinh tế và vào lĩnh vực công cộng. Dưới thể chế này, tự do hoá chính trị thường không thực hiện ngay lập tức các cuộc cải cách kinh tế, do vậy vẫn duy trì những mâu thuẫn khách quan. Toàn cầu hoá được giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam coi là một nhân tố quan trọng của hiện đại hoá: họ hiểu các mục tiêu kinh tế và nội dung của quá trình này một cách tích cực trong khi đồng thời tuyên bố các yếu tố chính trị mà Việt Nam không chấp nhận. Do vậy, các cuộc cải cách tự do đang mở đường cho một sự chuyển đổi về mặt hệ thống và sự vận động của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam. Vì thế, nó hàm ý rằng chủ nghĩa công ty kiểu mới (neo corporatism) có thể được coi như một hình thức của sự đa dạng chủ nghĩa tư bản.

Thực tiễn này phù hợp với Học thuyết Keynes, một học thuyết khá phổ biến, và những khái niệm kinh tế mới đây nhất như chủ nghĩa thể chế (institutionalism). Theo các học thuyết này, sự hình thành thị trường

²¹ Người nghèo ở Việt Nam đang tăng lên//english.vietnamnet.vn/politics/2009/01/822634 - 07/01/2009.

²² Đây cũng là đặc trưng của Trung Quốc. Xem: Belchuc, A.I. : *Các cuộc cải cách về mặt hệ thống ở Nga và một số nước hậu xã hội chủ nghĩa khác//Nước Nga trong thế giới hướng ngoại* (Russia in the Outward World). Moscow 2006, tr.319-320 (bằng tiếng Nga).

²³ D. Apter gọi đó là chủ nghĩa xã hội có quản lý (managerial socialism). Xem trong: Apter D.E.: *Trung Quốc và Việt Nam: Chủ nghĩa xã hội có thể tồn tại trong một kinh tế thị trường//Năng lực nhà nước ở Đông Á: Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc và Việt Nam/* Kjeld E. và Young S. chủ biên, Oxford 2001, tr.271-286.

có tổ chức và trách nhiệm xã hội kiểu công ty (corporate social responsibility) cùng với sự can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế sẽ bảo đảm tốt nhất tăng trưởng kinh tế - xã hội và ổn định chính trị. Chúng ta đã và đang chứng kiến một nền kinh tế thị trường phối hợp (coordinated market economy) thúc đẩy tốt hơn các chính sách bền vững như thế nào. Đường lối này có nghĩa là định hướng xã hội của kinh tế Việt Nam, từ chối thực hiện “liệu pháp sốc” và không tin rằng “bàn tay vô hình” của thị trường có khả năng điều chỉnh một cách tự nhiên tất cả những sự tương xứng. Việc so sánh các mô hình chủ đạo và mô hình lựa chọn về phát triển quốc gia có thể giúp đánh giá được những điểm mạnh và những điểm yếu của các chính sách phát triển của các nước chuyên đổi.

Rõ ràng là có những sự tương đồng và khác biệt giữa các mô hình này, mặc dù chúng cần được nghiên cứu sâu hơn. Việt Nam đã áp dụng thành công kinh nghiệm của các nước tiên tiến về mặt tự do hoá kinh tế và hội nhập quốc tế. Theo các mô hình kinh tế vĩ mô phương Tây, các thị trường là tự do và tự điều chỉnh song chịu ảnh hưởng mạnh bởi các hệ thống ngân hàng, các chính sách tiền tệ và các chuyên gia tài chính. Các mô hình phương Tây được áp dụng kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai không giúp các nền kinh tế châu Mỹ và châu Âu tiếp tục phát triển bền vững đến ngày hôm nay. Thực

tiễn này có thể áp dụng để phê phán một số nguyên tắc cơ bản của các mô hình kinh tế phương Tây, đặc biệt là mô hình tự do mới (neo liberal model), một mô hình đang tỏ ra hoàn toàn mất phương hướng trong thời đại ngày nay.

Theo chúng tôi, các điều kiện đã chín muồi để xây dựng một mô hình kinh tế mới cho thế giới. Mô hình này có thể dựa trên cơ sở Mô hình Keynes Mới và Mô hình Tân cổ điển²⁴. Nghiên cứu của chúng tôi về kinh tế chính trị của Việt Nam, chặt chẽ về lý luận và thực tiễn, đã chỉ ra rằng các mô hình kết hợp hoạt động tốt hơn. Nó thể hiện một tiềm năng (potential) cho các thể chế chính trị và xã hội mà chúng ủng hộ, các hình thức quân bình chủ nghĩa của tư bản chủ nghĩa ở các xã hội quá độ. Chúng tôi phát hiện ở Việt Nam một sự kết hợp nghịch lý các đặc điểm, các truyền thống và các cơ chế của hai trật tự xã hội, sự biến đổi của chúng sang một hệ thống pha trộn, như là kết quả của sự hội tụ giữa nền kinh tế xã hội chủ nghĩa kế hoạch hoá tập trung và một số hình thức cụ thể của chủ nghĩa tư bản Đông Á²⁵.

²⁴ Ý tưởng/quan điểm này cũng được một học giả Việt Nam - Lê Võ Phương Mai - đưa ra trong luận án tiến sĩ kinh tế học của mình, được bảo vệ tại Đại học Cardiff năm 2008 với sự hướng dẫn/trợ giúp của Giáo sư Patrick Minford.

²⁵ Xem thêm: Mazyrin V.M. // *Mô hình 20 năm đổi mới của Việt Nam* / www.bbc.uk/vietnamese/story/2008/12/081229_maz/rin.shtml